TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 12/2021/QĐST-HNGĐ	

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 3 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DẪN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu Hiền

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Trần Vinh Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", theo Quyết định mở phiên họp số 14/2021/QĐ-TA ngày 24 tháng 02 năm 2021, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Chị Hoàng Thị Thanh N, sinh ngày 16/5/1986; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H; sinh ngày 03/3/1977; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc (vắng mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

- Bà Nguyễn Thị H1 (Người được anh Nguyễn Xuân H ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ); Nơi cư trú hiện nay: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu ly hôn, Bản tự khai cũng như các tài liệu khác có tại hồ sơ, chị Hoàng Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân H đăng ký kết hôn ngày 20/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh H đi lao động nước

ngoài. Năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa nhau, không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm phai nhạt, thêm vào đó là do toàn bộ tiền lương của anh H làm được tại nước ngoài đều gửi về cho mẹ chồng nên chị cảm giác không được tôn trọng và không được tin tưởng. Chính vì vậy, vợ chồng càng tranh cãi và mâu thuẫn trầm trọng. Nay, nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Băng B, sinh ngày 24/10/2012 và Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 03/3/2015. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Băng Băng, giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Trong thời gian anh H chưa về nước chị N đảm nhận việc chăm sóc con chung Nguyễn Hoàng Bảo A thay anh H và anh H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 7.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn đến khi anh H nhận cháu Bảo An về nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 31/12/2020, anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh và chị Hoàng Thị Thanh N đăng ký kết hôn ngày 20/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh, cuộc sống hạnh phúc, tuy nhiên do tiền lương thấp không đủ trang trải cuộc sống nên năm 2017 anh đi lao động nước ngoài. Đến năm 2018 vượt biên trốn ra lao động bất hợp pháp tại Hàn Quốc và từ đó đến nay chưa về nước. Năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa nhau, không có thời gian chăm sóc nhau, chị N yêu cầu anh phải chuyển toàn bộ tiền lao động được ở bên nước ngoài về cho chị nên vợ chồng tranh cãi, mâu thuẫn. Hiện nay, anh xác định không còn tình cảm với chị N, vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau nên anh có nguyện vọng được ly hôn với chị N. Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Băng B, sinh ngày 24/10/2012 và Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 03/3/2015, anh thống nhất theo yêu cầu của chị Hoàng Thị Thanh N. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, anh yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ).

Cháu Nguyễn Băng B có nguyện vọng được ở với mẹ.

Người tham gia tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị H1 chấp nhận sự ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của anh Nguyễn Xuân H, cam đoan thông báo kịp thời đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh H.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83

123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung và tài sản giữa chị Hoàng Thị Thanh N và anh Nguyễn Xuân H. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Hoàng Thị Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị Thanh N và anh Nguyễn Xuân H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và đều có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn. Anh Nguyễn Xuân H hiện đang cư trú tại nước ngoài (Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất cảnh thì anh H xuất cảnh ngày 18/3/2018 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài, hiện đều chưa có thông tin nhập cảnh). Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Các tài liệu chứng cứ anh Nguyễn Xuân H gửi về từ Hàn Quốc, qua đường bưu chính được xác định là hợp pháp.

Tại phiên họp, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu. Anh H vắng mặt, tuy nhiên đã có yêu cầu được xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Hoàng Thị Thanh N đã thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và được ghi vào Sổ đăng ký kết hôn số 82, được Ủy ban nhân dân xã Cương Gián xác nhận đã tuân thủ các điều kiện kết hôn. Căn cứ quy định tại các Điều 9, Điều 11 và Điều12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của chị Hoàng Thị Thanh N và anh Nguyễn Xuân H thấy rằng:

Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh H đi lao động nước ngoài. Theo thừa nhận của cả hai, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do sống xa nhau, không có điều kiện chăm sóc, vun đắp tình cảm, bên cạnh đó là mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng tranh cãi, tH tôn trọng nhau. Cả hai đều khẳng định không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân và đã thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và thỏa thuận về tài sản.

Như vậy, vợ chồng đã không thực hiện nghĩa vụ "*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình*" (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và "không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc", mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về quan hệ con chung: Sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung say ly hôn cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của người không trực tiếp nuôi con của chị Hoàng Thị Thanh N và anh Nguyễn Xuân H là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của các con chung cũng như nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí: Chị Hoàng Thị Thanh N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83,123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thanh N và anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Nguyễn Băng B, sinh ngày 24/10/2012 cho chị Hoàng Thị Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 03/3/2015 cho anh Nguyễn Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Trong thời gian anh H chưa về nước chị N đảm nhận việc chăm sóc con chung Nguyễn Hoàng Bảo A thay anh H và anh H cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Hoàng Bảo A cho chị N mỗi tháng 7.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn đến khi anh H nhận cháu Bảo An về nuôi dưỡng. Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ lệ phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ của chị Hoàng Thị Thanh N (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000098 ngày 15/12/2020 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh), nay chị còn phải nộp 300.000đ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trần Thị Thu Hiền